

KẾ HOẠCH

Triển khai kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi và thú y trên địa bàn xã Na Dương

Thực hiện Kế hoạch số 140/KH-SNNMT ngày 09/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh về việc triển khai kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y; đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý dữ liệu chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn xã. Để tổ chức triển khai Hệ thống hiệu quả, đồng bộ đáp ứng các tiêu chí “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung” UBND xã Na Dương ban hành Kế hoạch triển khai kê khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y cụ thể như sau:

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y tại địa chỉ: csdlchannuoi.mae.gov.vn theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ cơ sở chăn nuôi chủ động nhập số liệu chăn nuôi của cơ sở vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi. Nhằm chuẩn hóa, số hóa và cập nhật đầy đủ dữ liệu chăn nuôi trên địa bàn xã, phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

- Căn cứ để kiểm tra, đối chiếu khi thẩm định điều kiện hỗ trợ cho chủ cơ sở chăn nuôi có vật nuôi bị tiêu hủy bắt buộc do dịch bệnh hoặc xác định điều kiện hỗ trợ do thiên tai xảy ra.

- Tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ việc theo dõi tổng đàn, cơ cấu đàn vật nuôi, quy mô chăn nuôi, biến động đàn vật nuôi và các thông tin có liên quan; từng bước kết nối dữ liệu chăn nuôi với công tác quản lý dịch bệnh, tiêm phòng.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai, hỗ trợ và hướng dẫn hộ chăn nuôi kê khai các thông tin vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y.

- Các hộ chăn nuôi có loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai theo phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(có phụ lục danh mục vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai)

- Kết hợp việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân, hộ chăn nuôi thực hiện việc kê khai trên Hệ thống với việc tiếp nhận bản kê khai đối với các tổ chức, cá nhân, hộ chăn nuôi chưa có điều kiện tự thực hiện kê khai trên môi trường số.

3. Thời gian thực hiện

- Định kỳ 02 lần/năm; Từ ngày 25-30/6 và từ 25-31/12 hằng năm, với mục tiêu 100% các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, 70-80% cơ sở chăn nuôi nhỏ và vừa, trên 50% cơ sở chăn nuôi nông hộ đăng ký kê khai trên hệ thống.

- Kê khai đột xuất trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhập nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nội dung thực hiện

- Tiếp tục tăng cường các thông tin, tuyên truyền quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, chú trọng quy định kê khai hoạt động chăn nuôi tại: khoản 1 Điều 54, Điều 57 Luật Chăn nuôi; Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Chủ động tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện lập tài khoản gmail, đăng nhập Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.

- Rà soát tài khoản Cục Chăn nuôi và Thú y đã cấp cho admin cấp xã, giao trách nhiệm cho đơn vị, cá nhân được phân công thực hiện quản trị, vận hành hệ thống hiệu quả, tạo sự minh bạch trong việc kê khai hoạt động chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn xã.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì phối hợp với Trung tâm Dịch vụ công ích cập nhật, rà soát, thống kê và chuẩn hóa dữ liệu chăn nuôi thuộc địa bàn quản lý.

- Phân công chuyên viên phụ trách chăn nuôi và thú y làm đầu mối quản trị và vận hành Hệ thống, chịu trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo phân công, nắm bắt các thông tin về Chăn nuôi và thú y như: danh sách cơ sở chăn nuôi, mã số cơ sở, báo cáo kê khai hoạt động chăn nuôi, báo cáo thống kê theo quy mô, số lượng, sản lượng, từng loại vật nuôi, thông tin về các giấy phép của cơ sở.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ công ích xã thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, phối hợp với các thôn tổ chức triển khai thực hiện việc hướng dẫn hộ chăn nuôi kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Thực hiện kiểm tra các điều kiện chăn nuôi đối với các hộ gia đình, cơ sở chăn nuôi theo đúng quy định của pháp luật.

5.2. Trung tâm Dịch vụ công ích

- Phối hợp với phòng Kinh tế thường xuyên cập nhật thông tin tuyên truyền hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện lập tài khoản, đăng nhập hệ thống cơ sở dữ liệu và thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định trên hệ thống thông tin, đài truyền thanh xã để nhân dân biết, chủ động thực hiện, nhất là các cơ sở sản xuất chăn nuôi, cơ sở hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và trách nhiệm thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y.

5.3. Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn xã

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện kê khai chăn nuôi trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y.

- Phối hợp xây dựng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, hiệu quả gắn với chuyển đổi công nghệ số.

5.4. Các thôn trên địa bàn xã

Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn chủ động tuyên truyền tới người chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi, đây là quy định bắt buộc để làm cơ sở xác định biến động tổng đàn vật nuôi phục vụ cho công tác lập kế hoạch tiêm phòng, giám sát dịch bệnh.

5.5. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi

- Kê khai đúng số lượng vật nuôi thực tế tại thời điểm kê khai. Không sử dụng một tài khoản để kê khai cho nhiều hộ chăn nuôi. Thường xuyên cập nhật khi có biến động về tăng, giảm đàn vật nuôi. Bảo quản thông tin tài khoản đăng nhập để tránh mất dữ liệu.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn trong việc cung cấp, cập nhật dữ liệu trên Hệ thống, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý sản xuất góp phần nâng cao quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi.

Trên đây là Kế hoạch của UBND xã Na Dương về triển khai kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về Chăn nuôi và Thú y. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phản ánh về UBND xã (qua Trung tâm Dịch vụ công ích) để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh;
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Trung tâm DVCI xã;
- Các Trưởng thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Tuấn

Phụ lục 01: Loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của
 UBND xã Na Dương)*

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I	Gia súc		
1	Trâu, nghé	Con	1
2	Bò, bê	Con	1
3	Ngựa	Con	1
4	Dê	Con	5
5	Cừu	Con	5
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	5
8	Lợn nái	Con	1
9	Lợn đực giống	Con	1

II	Gia cầm		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà diểu	Con	1
6	Chim cú	Con	100
7	Bò câu	Con	30
III	Động vật khác được phép chăn nuôi		
1	Hươu sao	Con	1
2	Chim yến	Nhà	1
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	1
5	Mèo	Con	1
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dê	m ²	5
9	Bò cạp	m ²	1
10	Tằm (đa hệ, lưỡng hệ, thâu dầu lá sắn)	Ô	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	5
12	Ruồi lính đen	m ²	5